

KẾ HOẠCH DẠY HỌC Lớp : 1/2 **Tuần 16**

Người soạn : NGUYỄN THỊ TÍN

Ngày thực hiện : 23/12/2024 – 29/12/2024

Thứ Hai ngày 23 tháng 12 năm 2024

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

SINH HOẠT DƯỚI CỜ : SINH HOẠT DƯỚI CỜ :

TUẦN 16: EM LÀM VIỆC TỐT

SINH HOẠT DƯỚI CỜ :

THAM GIA NGÀY HỘI LÀM VIỆC TỐT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Thực hiện được một số việc làm cụ thể để giúp đỡ các bạn nhỏ ở vùng khó khăn như: chia sẻ sách, vở, đồ dùng học tập, quần áo.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:

- Nhà trường tổ chức lễ sinh hoạt dưới cờ đầu tiên của năm học mới:

+ Ổn định tổ chức.

+ Chính đôn trang phục, đội ngũ

+ Đứng nghiêm trang

+ Thực hiện nghi lễ chào cờ, hát Quốc ca

+ Tuyên bố lí do, giới thiệu thành phần dự lễ chào cờ chương trình của tiết chào cờ.

+ Nhận xét và phát động các phong trào thi đua của trường.

- GV giới thiệu và nhân mạnh cho HS lớp 1 và toàn trường về tiết chào cờ đầu tuần:

+ Thời gian của tiết chào cờ : là hoạt động sinh hoạt tập thể được thực hiện thường xuyên vào đầu tuần.

+ Ý nghĩa của tiết chào cờ : giáo dục tình yêu tổ quốc, củng cố và nâng cao kiến thức, rèn luyện kĩ năng sống, gắn bó với trường lớp, phát huy những gương sáng trong học tập và rèn luyện, nâng cao tinh thần hiếu học, tính tích cực hoạt động của học sinh.

+ Một số hoạt động của tiết chào cờ:

* Thực hiện nghi lễ chào cờ

* Nhận xét thi đua của các lớp trong tuần

* Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

* Góp phần giáo dục một số nội dung : An toàn giao thông, bảo vệ môi trường, kĩ năng sống, giá trị sống.

* Gợi ý cách tiến hành

- Nhà trường tổ chức Ngày hội làm việc tốt theo gợi ý:

- Thông báo với HS về mục đích, nội dung, ý nghĩa của Ngày hội làm việc tốt.

- HS đóng góp sách, vở, đồ dùng học tập, quần áo cũ (đã chuẩn bị) dành tặng các bạn nhỏ ở những vùng khó khăn.

- Đại diện HS chia sẻ cảm xúc khi tham gia Ngày hội làm việc tốt)

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....
.....

MÔN: TOÁN

Bài 34: LUYỆN TẬP

(TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với việc thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng hoặc có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ (theo thứ tự từ trái sang phải) và không xét trường hợp có cả dấu phép tính cộng và dấu phép tính trừ.

- Củng cố kĩ năng làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10 và vận dụng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Sách điện tử, phiếu bài tập

- HS: Các thẻ số và phép tính

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>A. Hoạt động khởi động: (5 phút)</p> <p>Chơi trò chơi: Tiếp sức ôn tập cộng, trừ nhằm trong phạm vi 10.</p> <p>B. Hoạt động thực hành, luyện tập</p> <p>Bài 1. (10 phút)</p> <ul style="list-style-type: none">- Bài này yêu cầu HS thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng.- Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ nêu tình huống xảy ra trong tranh rồi nêu cách giải quyết vấn đề. <p><i>Ví dụ:</i> Với câu a), HS nói: Rổ thứ nhất có 5 quả bí ngô. Rổ thứ hai có 2 quả. Anh Tuấn chở thêm đến 1 quả bí ngô nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu quả bí ngô? Ta có $5 + 2 + 1 = ?$</p> <ul style="list-style-type: none">- GV hướng dẫn HS cách tính $5 + 2 + 1 = ?$- GV thay đổi tình huống (thay đổi số lượng quả bí ngô hoặc thay tình huống khác) để HS củng cố cách tính, chẳng hạn: $4 + 2 + 1$; $5 + 1 + 1$; $6 + 2 + 1$; $2 + 2 + 1$;... <p>Lưu ý: Giai đoạn đầu khi HS mới làm quen với thực hiện tính trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng theo thứ tự từ trái sang phải, GV có thể cho phép HS viết kết quả ở bước trung gian. Sau này, khi HS đã biết cách tính, không nên viết kết quả trung gian nữa mà chỉ viết kết quả cuối cùng.</p> <p>Với câu b): HS thực hiện và nói với bạn cách tính của mình. Thảo luận nhóm 2 hoàn thành bài ở phiếu học tập.</p> <p>Bài 2. (10 phút)</p> <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu HS thực hành tính trong trường	<ul style="list-style-type: none">- HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi nêu cách giải quyết vấn đề. Chia sẻ trước lớp.- HS thực hiện từ trái sang phải $5 + 2 = 7$; $7 + 1 = 8$.

<p>hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ.</p> <p>- Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi nêu cách giải quyết vấn đề. Chia sẻ trước lớp.</p> <p><i>Ví dụ:</i> Với câu a), HS nói: Có 8 quả mướp. Lần thứ nhất chị Lan hái 3 quả. Sau đó, chị Lan hái thêm 1 quả nữa. Hỏi còn lại bao nhiêu quả mướp?</p> <p>-Ta có $8 - 3 - 1 = ?$</p> <p>- GV hướng dẫn HS cách tính $8 - 3 - 1 = ?$</p> <p>- GV thay đổi tình huống (thay đổi số lượng quả mướp hoặc thay tình huống khác) để HS củng cố cách tính, chẳng hạn: $7 - 3 - 1$; $8 - 1 - 1$; $8 - 3 - 2$; ...</p> <p>Với câu b): HS thực hiện và nói với bạn cách tính của mình. Hoàn thành bài ở vở bài tập.</p> <p>C. Hoạt động vận dụng (5 phút)</p> <p>- GV khuyến khích HS liên hệ tìm tình huống thực tế liên quan đến việc thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng hoặc có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ, hôm sau chia sẻ với các bạn.</p> <p>E. Hoạt động nối tiếp (5 phút)</p> <p>- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?</p> <p>- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.</p>	<p>- HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lớp.</p> <p>-HS thực hiện từ trái sang phải: $8 - 3 = 5$; $5 - 1 = 4$.</p> <p>- HS chia sẻ trước lớp.</p> <p>- HS nêu.</p>
--	--

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....

Tiếng Việt

Bài 82: eng, ec
 (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết các vần **eng, ec**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **eng, ec**.
- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **eng**, vần **ec**.
- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Xe rác*.
- Viết đúng các vần **eng, ec**, các tiếng (xà) **beng**, (xe) **téc** (trên bảng con).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Giáo viên: Bộ sách điện tử

Học sinh: Bảng con, SGK, thẻ từ, phiếu học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Tiết 1

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
<p>A. Khởi động: (5 phút)</p> <ul style="list-style-type: none">- Trò chơi : Hái táo <p>B. DẠY BÀI MỚI (30 phút)</p> <p>1. Giới thiệu bài: vần eng, vần ec.</p> <p>2. Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)</p> <p>2.1. Dạy vần eng</p> <ul style="list-style-type: none">- HS đọc: e - ngờ - eng. / Phân tích vần eng. / Đánh vần, đọc: e - ngờ - eng / eng.- HS nói: <i>xà beng / beng.</i> / Phân tích tiếng beng. <p>/ Đánh vần, đọc trơn: bờ - eng - beng / beng.</p> <ul style="list-style-type: none">- Đánh vần, đọc trơn: e - ngờ - eng / bờ - eng - beng / xà beng. <p>2.2. Dạy vần ec (như vần eng)</p> <p>Đánh vần, đọc trơn: e - cờ - ec / bờ - ec - bec - sắc - bec / bec giê.</p> <p>* Củng cố: HS nói lại 2 vần mới học: eng, ec, 2 tiếng mới học: beng, bec.</p>	<p>-HS thực hiện yêu cầu</p> <p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS đọc, phân tích</p> <p>-HS nói, phân tích, đánh vần</p> <p>-HS đánh vần, đọc trơn</p>

3. Luyện tập

3.1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **eng**? Tiếng nào có vần **ec**?)

- HS luyện đọc nhóm đôi đọc từng từ ngữ.
- Tổ chức trò chơi: Tiếp sức .Tìm tiếng có vần **eng**, vần **ec**. Cả lớp: Tiếng **eng** có vần **eng**. Tiếng **éc** có vần **ec**,... Tiếng **xeng** có vần **eng**,...

- Tìm tiếng ngoài bài có vần : **eng, ec**
- Giải lao: Hát

3.2. **Tập viết** (bảng con - BT 4)

a) GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu

- Vần **eng**: Viết **e** trước, **ng** sau; chú ý: chữ **g** cao 5 li; nối nét giữa **e** và **n**, viết **n** gần với **g**. / Thực hiện tương tự với vần **ec** (viết **e** gần với **c**).

- **beng**: viết **b** trước, vần **eng** sau. / **téc**: viết **t** trước, **ec** sau, dấu sắc đặt trên **e**.

b) HS viết trên bảng con: **eng, ec** (2 lần). / Viết: (xà)-**beng**, (xe) **téc**.

-HS tìm từ ngữ

-HS lắng nghe

-HS viết vào bảng con

Tiết 2

3.3. **Tập đọc** (BT 3) (30 phút)

a) GV chỉ hình, giúp HS nói đúng tên từng loại xe: Xe điện (màu vàng và đỏ, chạy bằng điện) chở người. Xe téc (thùng xe màu xanh nước biển) chở xăng. Xe rác (thùng xe xanh lá mạ) chở rác.

b) GV đọc mẫu.

c) Luyện đọc từ ngữ: **lặng lẽ, ngon giắc, xe téc, cần nhần, ngập rác, lo lắng, bon bon, hớn hở, leng keng**. GV giải nghĩa: *cần nhần* (lắm bầm tỏ ý bực tức).

-HS lắng nghe

-HS luyện đọc Từ ngữ

<p>d) Luyện đọc câu</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Bài có 9 câu. - GV chỉ từng câu (liền 2 câu <i>Xe điện, ... “Bản quá! ”.</i>), HS đọc vỡ. - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn). <p>e) Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 3 đoạn - mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn).</p> <p>g) Tìm hiểu bài đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Bài có 4 ý. Ý 1 và 4 đã được đánh số. cần đánh số TT cho ý 2 và 3. - Thảo luận nhóm đôi và hoàn thành yêu cầu ở phiếu bài tập. Đại diện nhóm trình bày kết quả. - GV chỉ từng ý cho HS đọc. - Cả lớp đọc kết quả (đọc 2 trước 3): 1) Xe điện, xe téc chê xe rác bản. 3) Xe rác chở rác đi. 2) Một đê m mưa to, phố xá ngậ rác. 4) Xe điện, xe téc cảm ơn xe rác. <p>4.Hoạt động nối tiếp: 5 phút</p>	<p>-HS luyện đọc câu</p> <p>-HS thi đọc</p> <p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS làm vào vở Bìa tập</p>
--	--

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....

.....

Chiều Thứ Hai ngày 23 tháng 12 năm 2024

TOÁN:

Bài 34: LUYỆN TẬP

(TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với việc thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng hoặc có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ (theo thứ tự từ trái sang phải) và không xét trường hợp có cả dấu phép tính cộng và dấu phép tính trừ.

- Củng cố kỹ năng làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10 và vận dụng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Sách điện tử

- HS: Các thẻ số và phép tính.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>A. Hoạt động khởi động (5 phút) Chơi trò chơi “Đố bạn” ôn tập cộng, trừ nhằm trong phạm vi 10.</p> <p>B. Hoạt động thực hành, luyện tập (30 phút)</p> <p>Bài 3 (10 phút)</p> <p>- Trước hết HS làm tính với trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng. - Sau đó HS làm tính với trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ. - Cho HS nói cách thực hiện trong từng hợp. - Cho HS tự nêu thêm ví dụ tương tự đố bạn thực hiện.</p> <p>Bài 4. (10 phút)</p> <p>- Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính</p>	<p>- HS thực hiện</p> <p>- HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lớp.</p>

tương ứng.

* Ở bức tranh thứ nhất:

Có 4 con chim ở tốp thứ nhất đang đậu trên cây. Có 3 con chim ở tốp thứ hai bay đến. Tiếp tục có 3 con chim ở tốp thứ ba bay đến. Hỏi có tất cả bao nhiêu con chim?

- Ta có $4 + 3 + 3 = 10$. Vậy có tất cả 10 con chim.

* Ở bức tranh thứ hai:

Có 9 con vịt. Đầu tiên có 2 con bơi đi. Tiếp tục có 4 con bơi đi. Còn lại bao nhiêu con vịt đang ở trên bờ?

- Ta có $9 - 2 - 4 = 3$. Vậy còn lại 3 con vịt đang ở trên bờ.

- Nhận xét.

C. Hoạt động vận dụng (5 phút)

- HS chia sẻ trước lớp.

- GV khuyến khích HS liên hệ tìm tình huống thực tế liên quan đến việc thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng hoặc có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ, hôm sau chia sẻ với các bạn.

E. Hoạt động nối tiếp: (5 phút)

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?

- HS nêu.

- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....
.....

Tiếng Việt

Bài 83: iêng yêng iêc

(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết các vần **iêng, yêng, iêc**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **iêng, yêng, iêc**.
- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **iêng, yêng, iêc**.
- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Cô xêng siêng năng*.
- Viết đúng các vần **iêng, yêng, iêc**, các tiếng **chiêng, yêng, xiêc** (hên bảng con).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Giáo viên: Sách điện tử, phiếu viết nội dung BT đọc hiểu
- Học sinh: Bảng con, SGK...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Tiết 1

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
<p>A. A Khởi động: (3 phút) 2 HS tiếp nối nhau đọc bài <i>Xe rác</i> (bài 82).</p> <p>B/DẠY BÀI MỚI: (30 phút)</p> <p>1. Giới thiệu bài: các vần iêng, yêng, iêc.</p> <p>2. Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)</p> <p>2.1. Dạy vần iêng</p> <ul style="list-style-type: none">- HD HS đọc: iê - ngờ - iêng / Phân tích vần iêng: âm iê + âm ng. Đánh vần, đọc: iê - ngờ - iêng / iêng.- Yêu cầu HS nói: <i>gõ chiêng / chiêng</i>. /Phân tích tiếng chiêng. / Đánh vần, đọc: chờ - iêng - chiêng / chiêng.- Đánh vần, đọc trơn: iê - ngờ - iêng / chờ - iêng - chiêng / gõ chiêng. <p>2.2. Dạy vần yêng</p>	<p>-HS đọc bài</p> <p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS đọc, phân tích, đánh vần</p> <p>-HS nói, phân tích, đánh vần</p> <p>-HS đọc trơn</p>

- Đánh vần, đọc trơn: **yê - ngờ - yêng / yê - ngờ - yêng - hỏi - yêng / yêng.**

- GV nhắc lại quy tắc chính tả: **yêng** viết là **yê** vì trước nó không có âm đầu.

2.3. Dạy vần **iêc**

Đánh vần, đọc trơn: **iê - cờ - iêc / xờ - iêc - xiêc - sắc - xiêc / xiêc.**

* Củng cố:

-Yêu cầu HS nói 3 vần vừa học, 3 tiếng mới học

-Đánh vần, đọc trơn

-HS lắng nghe

-Đánh vần, đọc trơn

-HS nói:**iêng, yêng, iêc**, 3 tiếng mới học: **chiêng, yêng, xiêc.**

3. Luyện tập

3.1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **iêng**? Tiếng nào có vần **iêc**?)

- Yêu cầu HS đọc từng từ dưới hình; tìm tiếng có vần **iêng**, vần **iêc**, báo cáo.

- GV chỉ từng từ, cả lớp nói: Tiếng **diêc** có vần **iêc**. Tiếng **riêng** có vần **iêng**,...

-HS đọc, tìm tiếng và báo cáo kết quả

-HS nói

3.2. Tập viết (bảng con - BT 4)

a) GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu:

- Vần **iêng**: viết **iê** rồi viết **ng**; chú ý: nối nét **i - e - n**, lia bút từ **n** sang viết tiếp **g**, ghi dấu chấm ở chữ **i**, dấu mũ ở chữ **ê**. / Hướng dẫn tương tự với **yêng, iêc**.

-HS lắng nghe

- **chiêng**: viết **ch** rồi đến **iêng**. / **yêng**: viết **yê, ng**, dấu hỏi đặt trên **ê**. / Làm tương tự với **xiêc**.

-HS viết ở bảng con

b) HS viết: **iêng, yêng, iêc** (2 lần). / Viết: **chiêng, yêng, xiêc**.

4. Hoạt động nối tiếp 5 phút

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....

Thứ Ba ngày 24 tháng 12 năm 2024

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM:

EM LÀM VIỆC TỐT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau hoạt động:

- Liên hệ và thể hiện cảm xúc về những việc tốt mà HS đã làm để giúp đỡ bạn bè, người thân và những người xung quanh.
- Cam kết thực hiện những lời nói, việc làm cụ thể để thể hiện tình yêu thương và giúp đỡ mọi người xung quanh phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp thông thường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh ảnh minh họa hoặc máy chiếu; miếng xốp hoặc bìa cứng để vẽ hoặc làm mô hình cây việc tốt, keo dán.
- HS: Giấy màu, bút vẽ, bút viết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) - Ổn định: - Giới thiệu bài: Hôm nay, chúng ta sang một chủ đề mới về bản thân làm những việc tốt qua bài : Em làm việc tốt.	- Hát - Lắng nghe
2. Các hoạt động chủ yếu. (32 phút) *YÊU CẦU CẦN ĐẠT: - Liên hệ và thể hiện cảm xúc về những việc tốt mà HS đã làm để giúp đỡ bạn bè, người thân và những người xung quanh. - Cam kết thực hiện những lời nói, việc làm cụ thể để thể hiện tình yêu thương và	

giúp đỡ mọi người xung quanh phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp thông thường.

Hoạt động 1. Chia sẻ việc tốt em đã làm

*** YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- HS tự liên hệ bản thân và chia sẻ về những việc đã làm để giúp đỡ bạn bè, người thân và những người xung quanh.

*** Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi theo các câu hỏi:

+ Bạn đã làm gì để giúp đỡ bạn bè, người thân và những người xung quanh?

+ Bạn làm việc đó khi nào?

+ Bạn cảm thấy như thế nào sau khi làm những việc đó?

- HS thảo luận cặp đôi.

- 2 đến 3 cặp HS chia sẻ trước lớp.

phù hợp để giúp đỡ mọi người.

- GV và HS cùng nhận xét và khen ngợi những bạn đã làm được những việc tốt phù hợp để giúp đỡ mọi người.

***GV kết luận.**

- Khi bạn bè, người thân gặp khó khăn, em nên sẵn sàng việc làm cụ thể, phù hợp như: giúp bạn học bài; giúp đỡ, thăm hỏi khi bạn bị đau, ốm; chia sẻ khi bạn có chuyện buồn; giúp đỡ bố mẹ việc nhà; quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ.

- Theo dõi, lắng nghe

3. Hoạt động luyện tập và vận dụng.

Hoạt động 2. Cây việc tốt

***YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Cam kết thực hiện những lời nói, việc làm cụ thể để thể hiện tình yêu thương và giúp đỡ mọi người xung quanh phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp thông thường.

*** Cách tiến hành :**

Bước 1. Cá nhân làm bông hoa việc tốt:

- GV hướng dẫn HS cắt, xé giấy màu để tạo thành những bông hoa, chiếc lá hoặc quả.

Bước 2. Cả lớp cùng làm cây việc tốt:

- GV giới thiệu *Cây việc tốt* được làm bằng mô hình (xốp, bìa cứng) hoặc tranh vẽ cây việc tốt (có thân, có cành).

- GC cho HS dán những bông hoa, chiếc lá hoặc quả việc tốt lên cây.

Bước 3. Trưng bày và giới thiệu cây việc tốt:

- Mời HS lên thuyết trình về bông hoa, chiếc lá hoặc quả việc tốt của mình.

- GV trưng bày *Cây việc tốt* ở cuối lớp hoặc hành lang của lớp học.

- HS cắt, xé giấy màu để tạo thành những bông hoa, chiếc lá hoặc quả.

- Viết hoặc vẽ lên mỗi bông hoa, chiếc lá hoặc quả một việc tốt mà mình đã thực hiện trong ngày.

- HS theo dõi

- Từng HS dán những bông hoa, chiếc lá hoặc quả việc tốt mà bản thân đã thực hiện lên *Cây việc tốt*.

- Một số HS lên thuyết trình về bông hoa, chiếc lá hoặc quả việc tốt của mình.

3. Hoạt động nối tiếp: (2 phút)

- GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.

- Về nhà chia sẻ với người thân về những việc làm tốt mình đã làm được.

- Lắng nghe

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....

Tiếng Việt

Bài 83: iêng yêng iêc

(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết các vần **iêng, yêng, iêc**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **iêng, yêng, iêc**.
- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **iêng, yêng, iêc**.
- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Cô xêng siêng năng*.
- Viết đúng các vần **iêng, yêng, iêc**, các tiếng **chiêng, yêng, xiéc** (hên bảng con).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Giáo viên: Sách điện tử, phiếu viết nội dung BT đọc hiểu
- Học sinh: Bảng con, SGK...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Tiết 2

<p>3.3. Tập đọc (BT 3) (30 phút)</p> <p>a) GV giới thiệu hình ảnh cô xêng siêng năng dọn dẹp; chị gió làm rác bay tứ tung. Các em cùng nghe đọc bài để biết cô xêng và chị gió nói chuyện gì.</p> <p>b) GV đọc mẫu, nhấn giọng các từ gợi tả, gợi cảm: <i>siêng năng, hăm hờ, văng khắp chốn, ủ rũ, nhẹ nhàng, mát mẻ, lem lét.</i></p> <p>c) Luyện đọc từ ngữ: siêng năng, làm việc, hăm hờ, văng, khắp chốn, buồn lảm, nhẹ nhàng, mát mẻ, lem lét, chăm chỉ.</p> <p>d) Luyện đọc câu</p> <ul style="list-style-type: none">- GV: Bài có 9 câu. GV chỉ từng câu (chỉ liền 2 câu: “Chị chớ buồn... mát mẻ mà”.) cho HS đọc vỡ.- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng	<p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS luyện đọc từ ngữ</p>
--	--

<p>cặp).</p> <p>e) Thi đọc đoạn, bài. Chia bài làm 3 đoạn (4 câu / 3 câu / 2 câu).</p> <p>g) Tìm hiểu bài đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - HD HS đọc từng vế câu. - HD HS làm bài trong VBT. /1 HS nối ghép các vế câu trên bảng lớp. GV chốt đáp án. / Cả lớp đọc: a) Cô xẻng - 2) rất siêng năng. / b) Chị gió - 3) giúp nhà nhà mát mẻ. / c) Chú yêng - 1) khen cô xẻng và chị gió. <p>5. Hoạt động nối tiếp: 5 phút</p>	<p>-HS thi đọc</p> <p>-HS làm vào vở BT</p>
--	---

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

TẬP VIẾT

eng, ec, iêng, yêng, iêc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Viết đúng **eng, ec, iêng, yêng, iêc, xà beng, xe téc, chiêng, yêng, xiếc** - chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Giáo viên: Bảng phụ, bộ sách điện tử Cánh Diều

Học sinh: Vở luyện viết

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
<p>1. Giới thiệu bài: GV nêu MĐYC của bài học.</p> <p>2. Luyện tập (35 phút)</p> <p>a) HS đọc: <i>eng, xà beng, ec, xe téc, iêng, chiêng, yêng, yêng, iêc, xiếc.</i></p> <p>b) Tập viết: <i>eng, xà beng, ec, xe téc.</i></p>	<p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS đọc</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết vần <i>eng, ec</i>, độ cao các con chữ. - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét, để khoảng cách, vị trí đặt dấu thanh trên các tiếng (<i>xà beng, (xe) tét</i>). - HS viết các vần, tiếng trong vở <i>Luyện viết 1</i>, tập một. GV kiểm tra, giúp đỡ HS. c) Tập viết: <i>iêng, chiêng, yêng, yểng, iêc, xiéc</i> (như mục b). HS hoàn thành phần <i>Luyện tập thêm</i>. <p>3/Hoạt động nối tiếp :</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV nhận xét tiết học -Nhắc HS chưa hoàn thành bài viết về nhà tiếp tục luyện viết 	<ul style="list-style-type: none"> -HS đọc, nói cách viết :<i>eng, éc</i> -HS lắng nghe -HS Viết vào vở
---	--

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....

Thứ Tư ngày 25 tháng 12 năm 2024
TOÁN
LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:
- Ôn tập tổng hợp về tính cộng, trừ trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học:NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV:** - Các thẻ số, sách điện tử
HS: - Bảng cài

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>1. Khởi động: (5 phút) “Đó bạn” ôn tập tính cộng hoặc trừ nhằm trong phạm vi 10 để tìm kết quả của các phép cộng,</p>	<p>- HS thực hiện</p>

trừ trong phạm vi 10.

2. Thực hành, luyện tập (25 phút)

Bài 1:

- Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng hoặc trừ nêu trong bài.

Bài 2

- Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ cách giải quyết vấn đề nêu lên qua bức tranh.

Vấn đề đặt ra là: Tìm hai số để khi cộng lại ta được kết quả là 8. Nghĩa là: Nếu chọn trước một số. Tìm số còn lại sao cho cộng hai số ta được kết quả là 8.

Ví dụ: Nếu chọn số thứ nhất là 3 thì số còn lại là 5; nếu chọn số thứ nhất là 7 thì số còn lại phải là 1.

Bài 3 Số

- Cho HS quan sát, suy nghĩ và lựa chọn số thích hợp cho mỗi ô trống của từng phép tính tương ứng, ví dụ: $6 + ? = 9$ thì $? = 3$

Từ đó, HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài.

- Từ việc tìm được thành phần chưa biết của các phép tính cộng, trừ nêu trong bài, HS nhận biết sự liên hệ giữa các phép tính cho trong bài (quan hệ cộng - trừ). Ví dụ: $6 + 3 = 9$ thì $9 - 3 = 6$.

- GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

3. Vận dụng: (3 phút)

GV khuyến khích HS liên hệ tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

4. Hoạt động nối tiếp: (2 phút)

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?

- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

- HS thực hiện

Đổi vở, chấm chéo và đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về kết quả các phép tính tương ứng.

- Chia sẻ trong nhóm.

HS dựa vào *phép đếm* hoặc dùng *Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10* để tìm số thích hợp trong mỗi ô trống.

-HS chia sẻ trước lớp

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....

.....

Tiếng Việt

Bài 84

ong oc
(tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết các vần **ong, oc**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ong, oc**.
- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ong, vần oc**.
- Viết đúng các vần **ong, oc**, các tiếng **bóng, sóc** (trên bảng con).

***Tích hợp GDKNS:** Rèn KN phân tích, phán đoán, nêu ý kiến cá nhân

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

Giáo viên: Bộ sách điện tử, Các thẻ ghi các vế câu ở BT đọc hiểu.

Học sinh: Bảng con, SGK...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Tiết 1

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
<p>A/ Khởi động: (5 phút) 2 HS đọc bài <i>Có xéng siêng năng</i> (bài 83).</p> <p>B/DẠY BÀI MỚI (30 phút)</p> <p>1. Giới thiệu bài: vần ong, vần oc.</p> <p>2. Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)</p> <p>2.1. Dạy vần ong</p> <ul style="list-style-type: none">- HS đọc: o - ngờ - ong. / Phân tích vần ong. / Đánh vần, đọc: o - ngờ - ong / ong.- HS đọc: <i>bóng.</i> / Phân tích: Tiếng bóng có vần bóng. / Đánh vần, đọc trơn: o - ngờ - ong / bờ - ong - bong - sắc - bóng / bóng. <p>2.2. Dạy vần oc: Đánh vần, đọc trơn: o - cờ - oc / sờ - oc - soc - sắc - sóc / sóc.</p> <p>* Củng cố: HS nói lại 2 vần mới học: ong, oc, 2 tiếng mới học: bóng, sóc</p> <p>3. Luyện tập</p> <p>3.1. Mở rộng vốn từ (BT 2: Tiếng nào có vần</p>	<p>HS đọc bài</p> <p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS đọc, phân tích</p> <p>-HS đánh vần ,đọc trơn</p> <p>-HS nêu</p>

<p>ong? Tiếng nào có vần oc?)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu HS (cá nhân, cả lớp) đọc từng từ' ngữ. - Tìm tiếng có vần ong, vần oc, báo cáo. / GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng cóc có vần oc. Tiếng chong có vần ong,... <p>3.2. Tập viết (bảng con - BT 4)</p> <p>a) GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vần ong: viết o rồi đến ng; chú ý viết o và ng không gần quá hay xa quá. / Làm tương tự với vần oc. - bóng: viết b rồi đến ong, dấu sắc đặt trên o. / Làm tương tự với sóc. <p>b) HS viết: ong, oc (2 lần). / Viết: bóng, sóc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cùng HS nhận xét 	<p>-HS đọc</p> <p>-HS nêu</p> <p>-HS theo dõi</p> <p>-HS viết ở bảng con</p>
--	--

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....

.....

TIẾNG VIỆT:

Bài 84: ong oc
(tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết các vần **ong, oc**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ong, oc**.
- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ong, vần oc**.
- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Đi học*.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

Giáo viên: Bộ sách điện tử, Các thẻ ghi các vế câu ở BT đọc hiểu.

Học sinh: Bảng con, SGK...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Tiết 2	
3.3. Tập đọc (BT 3) (30 phút)	

<p>a) GV chỉ hình minh hoạ bài thơ <i>Đi học</i>, giới thiệu hình ảnh sóc, nhím, thỏ ngọc đang học.</p> <p>b) GV đọc mẫu: nhấn giọng, gây ấn tượng với các từ <i>lóc cóc, bon bon, rộn rã</i>.</p> <p>c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): đi học, thỏ ngọc, vó ngựa, va lóc cóc, lăn bon bon, chim chóc, liệng vòng tròn, rộn rã, chờ mong, hứa trong lòng. Gv giải nghĩa: <i>vó ngựa</i> (bàn chân của ngựa).</p> <p>d) Luyện đọc câu</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Bài thơ có 12 dòng. GV chỉ 2 dòng thơ một cho HS đọc vỡ. - Đọc tiếp nối từng cặp hai dòng thơ (cá nhân, từng cặp). <p>e) Thi đọc tiếp nối 3 khổ thơ; thi đọc cả bài thơ.</p> <p>g) Tìm hiểu bài đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu YC; mời 1 HS đọc 3 câu văn chưa hoàn chỉnh. - HS đọc thầm, tự hoàn thành từng câu văn. /1 HS báo cáo kết quả. - Cả lớp đọc lại: a) Sóc, nhím và thỏ học lớp cô sơn ca. / b) Bác ngựa đưa cả ba bạn đi học. / c) Ba bạn hứa học tập thật chăm chỉ. <p>4.Hoạt động nối tiếp: (5 phút)</p>	<p>-HS quan sát</p> <p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS luyện đọc</p> <p>-HS đọc vỡ</p> <p>-HS đọc nối tiếp nhau</p> <p>-HS đọc</p> <p>-HS đọc</p>
---	--

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....

.....

Tự nhiên và xã hội

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

(Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT: Sau bài học, HS đạt được

- * Về nhận thức khoa học: Hệ thống được những kiến thức đã học về chủ đề Cộng đồng địa phương.
 - * Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh: Củng cố kỹ năng sưu tầm, xử lý thông tin.
 - * Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Thể hiện được việc em có thể làm để đóng góp cho cộng đồng. 91
- Các hình ở Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Cộng đồng địa phương trong SGK, - Chuẩn bị 6 biển báo giao thông rời (xem hình trang 65 SGK) và 6 lá thăm ghi

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- HS sưu tầm một số thông tin, hình ảnh về chủ đề Cộng đồng địa phương, VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

III. Hoạt động dạy học

Em đã học được gì về chủ đề Cộng đồng địa phương?

Hoạt động 4: Đóng vai xử lý tình huống

- * Mục tiêu Thể hiện việc em có thể làm để đóng góp cho cộng đồng.
- * Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm – Mỗi nhóm chọn một trong hai tình huống được thể hiện ở hình vẽ trang 65 (SGK) (các em cũng có thể nghĩ ra một tình huống khác).

Nhóm trưởng điều khiển các bạn thảo luận để nêu ra những cách ứng xử khác nhau có thể có. Sau đó, chọn một cách mà các em cho là tốt nhất để đóng vai. Một số HS xung phong nhận vai và trình bày trước lớp.

Bước 2: Làm việc cả lớp Các nhóm lên đóng vai thể hiện việc em có thể làm để đóng góp cho cộng đồng (Ví dụ: Tình huống 1: Nhắc nhở các bạn giữ trật tự nơi công cộng

; Tình huống 2: Nhắc nhở mọi người vứt rác đúng nơi quy định). - Nhóm khác nhận xét và bình luận về cách ứng xử các bạn lựa chọn để đóng vai, từ đó rút ra bài học: Mọi người đều cần có ý thức trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng từ những việc làm hằng ngày như giữ trật tự, giữ vệ sinh nơi công cộng,...

- GV nhận xét, đánh giá và khen thưởng động viên các nhóm làm tốt.

4. ĐÁNH GIÁ GV có thể sử dụng các câu 1, 2, 3, 4 của Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Cộng đồng địa phương trong VBT để đánh giá kết quả học tập của chủ đề này.

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....
.....

Thứ Tư ngày 25 tháng 12 năm 2024

Tiếng Việt

Bài 85

ông ôc
(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết các vần **ông, ôc**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ông, ôc**.
- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ông, vần ôc**.
- Viết đúng các vần **ông, ôc**, các tiếng (dòng) **sông, gốc** (đá) (trên bảng con).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

Giáo viên: Bộ sách điện tử Cánh Diều, 4 thẻ từ viết các cụm từ của BT đọc hiểu.

Học sinh: Sách giáo khoa, bảng con

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Tiết 1

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
A. Khởi động: (5 phút) 2 HS đọc bài Tập đọc <i>Đi học</i> (bài 84).	-HS đọc
A. DẠY BÀI MỚI (30 phút)	
1. Giới thiệu bài: vần ông, vần ôc.	HS lắng nghe
2. Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)	
2.1. Dạy vần ông - Yêu cầu HS đọc: ô - ngờ - ông. / Phân tích vần ông. / Đánh vần, đọc trơn: ô - ngờ - ông / ông.	-HS đọc, phân tích
- HS nói: <i>dòng sông / sông.</i> / Phân tích tiếng sông. / Đánh vần và đọc: sờ - ông - sông / sông.	-HS nêu
- Đánh vần, đọc trơn: ô - ngờ - ông / sờ - ông - sông / dòng sông.	-HS đánh vần, đọc trơn
2.2. Dạy vần ôc (như vần ông) Đánh vần, đọc trơn: ô - cờ - ôc / gờ - ôc	

<p>- gôc - sắc - gôc / gôc đa. * Cùng cô: HS nói lại 2 vần mới học: ông, ôc, 2 tiếng mới học: sông, gôc.</p> <p>3. Luyện tập</p> <p>3.1 Mở rộng vốn từ (BT 2: Tiếng nào có vần ông? Tiếng nào có vần ôc?)</p> <p>- Yêu cầu HS (cá nhân, cả lớp) đọc từng từ ngữ. / Tìm tiếng có vần ông, vần ôc, báo cáo.GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng thông có vần ông. Tiếng cốc có vần ôc,...</p> <p>3.2. Tập viết (bảng con - BT 4)</p> <p>a) GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu</p> <p>- Vần ông: viết ô rồi đến ng (g cao 5 li); chú ý viết ô gần ng. / Làm tương tự với vần ôc.</p> <p>- Tiếng sông: viết s rồi đến ông. Làm tương tự với gôc, dấu sắc đặt trên ô.</p> <p>b) HS viết: ông, ôc (2 lần). / Viết: (dòng) sông, gôc (đá).</p>	<p>-HS đánh vần, đọc trơn</p> <p>-HS nêu</p> <p>-HS đọc</p> <p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS viết</p>
<p>4/Hoạt động nối tiếp</p>	

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....

.....

Tiếng Việt

Bài 85

ông ôc (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết các vần **ông, ôc**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ông, ôc**.
- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ông, vần ôc**.
- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Quạ và công*.
- Viết đúng các vần **ông, ôc**, các tiếng (dòng) **sông, gốc** (đá) (trên bảng con).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Sách điện tử
- HS: 4 thẻ từ viết các cụm từ của BT đọc hiểu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
B. Khởi động: (5 phút) Tổ chức trò chơi	-HS đọc
Tiết 2	
3.3. Tập đọc (BT 3) (25 phút) a) GV giới thiệu hình ảnh quạ và công đang trang điểm cho nhau. b) GV đọc mẫu. c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): công, trắng muốt, làm đẹp, trang điểm, gặt gù, eng éc, sốt ruột, dốc hết, đen như than. d) Luyện đọc câu - GV: Bài có 11 câu. GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (Chỉ liền 2 câu: <i>Đẹp quá! Giờ đến lượt tớ.y</i> - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp). e) Thi đọc đoạn, bài, chia bài làm 3 đoạn (2/4/5 câu). g) Tìm hiểu bài đọc	-HS lắng nghe -HS luyện đọc từ ngữ -HS đọc nối tiếp nhau -HS thi đọc -HS đọc

<p>- HS đọc từng vế câu. / HS làm bài, nói kết quả (GV ghi lại kết quả trên bảng).</p> <p>- Cả lớp đọc: a) Bộ lông của công đẹp - 2) là nhờ quạ trang điểm cho. / b) Bộ lông của quạ đen - 1) là do quạ đóc hết lọ bột đen lên thân.</p> <p>* Cả lớp đọc 2 trang của bài 85; đọc 9 vần mới học trong tuần dưới chân trang 152.</p> <p>4/Hoạt động nối tiếp: (5 phút)</p>	<p>-Cả lớp đọc</p>
---	--------------------

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....

.....

Thứ Năm ngày 26 tháng 12 năm 2024

TẬP VIẾT:

ong, oc, ông, ôc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Viết đúng **ong, oc, ông, ôc, bóng, sóc, dòng sông, gốc đa** - chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Sách điện tử
- HS: Bảng con, vở Luyện viết

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
<p>1. Giới thiệu bài: (5 phút) GV nêu MĐYC của bài học.</p> <p>2. Luyện tập (25 phút)</p> <p>a) Yêu cầu HS nhìn bảng đọc: <i>ong, bóng, oc, sóc, ông, dòng sông, ôc, gốc đa.</i></p> <p>b) Tập viết: <i>ong, bóng, oc, sóc.</i></p> <ul style="list-style-type: none">- 1 HS đọc; nói cách viết các vần <i>ong, oc</i>, độ cao các con chữ.- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn quy trình. Chú ý độ cao các con chữ; cách nối nét, để khoảng cách, đặt dấu sắc trên <i>o</i> (<i>bóng, sóc</i>).- Yêu cầu HS viết trong vở <i>Luyện viết 1</i>, tập một. <p>c) Tập viết: <i>ông, dòng sông, óc, gốc đa</i> (như mục b). HS hoàn thành phần <i>Luyện tập thêm</i>.</p> <p>-GV cùng Hs nhận xét, khen ngợi những HS viets đúng, nhanh, đẹp</p> <p>3. Hoạt động nối tiếp: (5 phút)</p> <p>-GV nhận xét tiết học</p> <p>-Nhắc HS chưa hoàn thành bìa viết về nhà tiếp tục luyện viết</p>	<p>-HS đọc:<i>ong, bóng, oc, sóc, ông, dòng sông, ôc, gốc đa.</i></p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS viết vào vở</p>

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

KỂ CHUYỆN:
Bài 86: CÔ BÉ VÀ CON GẤU
(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.
- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.
- Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.
- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Cô bé nhân hậu chữa chân cho gấu. Gấu đền ơn cô.

Câu chuyện là lời khuyên: Cần sống thân thiện, giúp đỡ các loài vật.

***Tích hợp GDKNS:** Rèn KN kể hay, trao đổi ý nghĩa câu chuyện

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Sách điện tử

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
<p>A. Khởi động: (5 phút)</p> <p>B. GV chỉ 3 tranh đầu minh họa truyện <i>Hàng xóm</i> (bài 80), nêu câu hỏi, mời HS 1 trả lời. HS 2 trả lời câu hỏi theo tranh 4, 5, 6.</p> <p>C. DẠY BÀI MỚI(30 phút)</p> <p>1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện (gợi ý)</p> <p>1.1. Quan sát và phỏng đoán: GV đưa lên bảng tranh minh họa, yêu cầu HS xem tranh, cho biết chuyện có những nhân vật nào (cô bé, con gấu, bố mẹ cô), đoán điều gì xảy ra giữa cô bé và gấu? (Cô bé gặp gấu. Cô chữa chân đau cho gấu,...).</p> <p>1.2. Giới thiệu câu chuyện: Chuyện <i>Cô</i></p>	<p>-HS quan theo dõi</p> <p>-HS lắng nghe</p>

bé và con gấu kể về cuộc gặp kì lạ giữa một cô bé rất nhỏ và một con gấu rất to lớn. Cô bé có gặp nguy hiểm gì không? Điều lạ gì đã xảy ra?

-HS lắng nghe

2. Khám phá và luyện tập

. **Nghe kể chuyện:** GV kể chuyện 3 lần với giọng diễn cảm

- HS lắng nghe

Cô bé và con gấu

(1) Xưa, có hai vợ chồng người nông dân sống cùng cô con gái nhỏ trong rừng. Một chiều, bố mẹ đi vắng, cô bé tha thẩn chơi ngoài sân.

(2) Bỗng, cô bé thấy một con gấu to lớn đứng ngay trước mặt. Cô bé sợ chết khiếp.

(3) Nhưng rồi cô bé bớt sợ khi thấy gấu hiền lành chìa một bàn chân ra trước, giậm giậm xuống đất. Bàn chân đó đang chảy máu, một cái dằm to cắm giữa bàn chân.

(4) Hiểu ý gấu muốn nhờ giúp đỡ, cô chạy vào nhà, lấy kim, rồi dùng kim kẹp cái dằm, kéo mạnh ra. Gấu có vẻ hài lòng lắm, nó liếm vết thương rồi lặng lẽ quay về rừng.

(5) Buổi tối, khi bố mẹ về, cô bé kể lại câu chuyện khiến bố mẹ cô rất ngạc nhiên.

(6) Vài tuần sau, gấu quay trở lại, ôm trong hai chân trước một khúc gỗ. Ông bôhoảng sợ, chạy đi tìm súng nhưng cô bé ngăn lại và bảo đó chính là con gấu hôm nọ. Gấu đặt khúc gỗ trước mặt cô bé rồi bỏ đi. Thì ra đó là một khúc gỗ chứa đầy mật ong.

Theo *Truyện dân gian Nga* (Hoàng Nguyễn kể)

Trả lời câu hỏi theo tranh

a) Trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh

- GV chỉ tranh 1, hỏi: *Bố mẹ đi vắng, cô bé ở nhà một mình làm gì?*

-Bố mẹ đi vắng, cô bé tha thẩn chơi ngoài sân

- GV chỉ tranh 2: *Điều gì bất ngờ xảy ra? Thái độ của cô bé lúc đó ra sao?*

-Một con gấu to lớn bất ngờ xuất hiện. Cô bé sợ chết khiếp

-Cô bé đỡ sợ khi thấy gấu hiền

- GV chỉ tranh 3: *Vì sao sau đó cô bé đỡ sợ?*

lành chia một bàn chân ra trước, giậm giậm xuống đất. Bàn chân đó chảy máu, một cái dằm to cắm giữa bàn chân

-Cô bé chạy vào nhà, lấy kim, dùng kim kẹp cái dằm, kéo mạnh ra).

- GV chỉ tranh 4: *Cô bé đã làm gì để giúp gấu?*

-Nghe cô bé kể lại câu chuyện, bố mẹ cô rất ngạc nhiên

- GV chỉ tranh 5: *Khi bố mẹ về, nghe cô bé kể lại mọi chuyện, thái độ của họ ra sao?*

-Gấu quay trở lại, ôm một khúc gỗ chứa đầy mật ong tặng cô bé, để tỏ lòng biết ơn

- GV chỉ tranh 6: *Gấu đã làm gì để tỏ lòng biết ơn cô bé?*

-HS trả lời

-

b) Trả lời các câu hỏi ở 2 tranh liền nhau.

c) Trả lời tất cả các câu hỏi dưới 6 tranh.

Kể chuyện theo tranh

a) Yêu cầu mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện.

-HS kể

b) Yêu cầu HS kể chuyện theo tranh bất kì (Trò chơi *Ô cửa sổ*).

c) Một HS chỉ 6 tranh, tự kể toàn bộ câu chuyện.

(Sau mỗi bước, cả lớp và GV bình chọn bạn trả lời câu hỏi đúng, bạn kể to, rõ, kể hay, biết hướng đến người nghe khi kể).

-HS kể

* GV cắt tranh, mời 1 HS kể chuyện, không

cần sự hỗ trợ của tranh. (YC dành cho HS giỏi).

.Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện

- GV: Em nhận xét gì về cô bé?

-

- GV: Em nhận xét gì về gấu?

- GV: Cô bé nhân hậu chữa chân đau cho gấu. Gấu tỏ lòng biết ơn cô. Câu chuyện nói về tình cảm tốt đẹp giữa con người và con vật. Câu chuyện cũng là lời khuyên các em cần có thái độ thân thiện, giúp đỡ các con vật khi chúng không gây nguy hiểm và cần đến sự giúp đỡ của các em.

3.Hoạt động nối tiếp: GV nhắc HS chuẩn bị cho tiết KC *Ông lão và sếu nhỏ*.

-Cô bé nhân hậu, tốt bụng, sẵn lòng giúp gấu

-Gấu thông minh, bị dằm đâm vào chân, biết tìm con người để nhờ người giúp đỡ, biết trả ơn con người. / Gấu là một con vật nhưng có lòng biết ơn như con người).

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....
.....

Thứ Sáu ngày 27 tháng 12 năm 2024

TIẾNG VIỆT:

Bài 87: ÔN TẬP

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Con yêng*.
- Nghe viết 1 câu văn đúng chính tả / không mắc quá 1 lỗi.
- Biết chọn dấu câu (dấu chấm, dấu chấm hỏi) hợp với chỗ trống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bảng phụ viết 2 câu văn thiếu dấu kết thúc câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
<p>1. Giới thiệu bài: (2 phút) GV nêu MĐYC của bài học.</p>	-HS lắng nghe
<p>2. Luyện tập (30 phút)</p> <p>2.1. BT 1 (Tập đọc)</p> <p>a) GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc kể về con yêng biết nói của bạn Long.</p>	-HS lắng nghe
<p>b) GV đọc mẫu.</p> <p>c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): yêng, Long, đẹp lắm, đen biếc, sọc vàng, khiến, đến bên lòng, cất tiếng.</p>	-HS luyện đọc từ ngữ
<p>d) Luyện đọc câu</p> <ul style="list-style-type: none">- GV: Bài có 9 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. Đọc liền 2 câu: <i>Long muốn yêng hát: “Long à! ”...</i>- Đọc tiếp nối từng câu, hoặc liền 2 câu (cá nhân, từng cặp).	-HS đọc nối tiếp câu
<p>e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (3 câu / 6 câu); thi đọc cả bài.</p>	-HS thi đọc
<p>g) Điền dấu chấm, dấu chấm hỏi kết thúc câu</p> <ul style="list-style-type: none">- GV nêu YC. / HS đọc từng ý a, b; làm bài trong VBT; nói kết quả. GV giúp HS điền dấu kết thúc câu trên bảng.- Cả lớp đọc lại 2 câu văn đã hoàn chỉnh:	-HS làm vào vở BT

a) Ông tặng Long một con yểng rất đẹp. - Cuối câu đặt **dấu chấm**.

-HS đọc

b) Long muốn con yểng làm gì? - Cuối câu đặt **dấu chấm hỏi**

2.2. BT 2 (Nghe viết)

- GV viết lên bảng câu văn cần nghe viết.

- Yêu cầu 1 - 2 HS đọc câu văn. Cả lớp đọc lại.

-HS đọc

GV nhắc HS chú ý những từ các em dễ viết sai (*lông yểng, biếc*).

- HS gấp SGK. GV đọc 4 tiếng một (*Lông yểng đen biếc, /cổ có sọc vàng.*) hoặc 2 tiếng một (*Lông yểng /đen biếc, /cổ có /sọc vàng.*) cho HS viết vào vở / VBT. HS viết xong *Lông yểng đen biếc*, (tô chữ đầu câu đã viết hoa), GV đọc tiếp: *cổ có sọc vàng*. (Đọc mỗi cụm từ không quá 3 lần).

-HS viết vào vở

- HS viết xong, nghe GV đọc lại câu văn để sửa lỗi.

-HS sửa lỗi

- HS đổi bài với bạn để sửa lỗi cho nhau.

- GV chữa bài, nhận xét chung.

3. Hoạt động nối tiếp: (2 phút)

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....

.....

SINH HOẠT LỚP:

CẢM XÚC CỦA EM TRONG NGÀY HỘI LÀM VIỆC TỐT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- HS có thái độ yêu thương và tinh thần sẻ chia với những người gặp hoàn cảnh khó khăn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định: Hát</p> <p>2. Các bước sinh hoạt:</p> <p>2.1. Nhận xét trong tuần 15</p> <p>- GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:</p> <p>+ <i>Đi học chuyên cần:</i></p> <p>+ <i>Tác phong, đồng phục.</i></p> <p>+ <i>Chuẩn bị bài, đồ dùng học tập</i></p> <p>+ <i>Vệ sinh.</i></p> <p>+ GV nhận xét qua 1 tuần học:</p> <p>* <i>Tuyên dương:</i></p> <p>- GV tuyên dương cá nhân và tập thể có</p>	<p>- Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.</p> <p>+ Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi</p> <p>+ Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi</p> <p>+ Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi</p> <p>+ Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi</p> <p>- Lắng nghe để thực hiện.</p>

<p>thành tích.</p> <p><i>* Nhắc nhở:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần. <p>2.2. Phương hướng tuần 16</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện dạy tuần 16, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện. - Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP. - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới. <p>2.3. Cảm xúc của em trong ngày hội làm việc tốt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS chia sẻ cảm xúc của bản thân khi tham gia Ngày hội làm việc tốt theo gợi ý: - Em và các bạn đã làm gì trong Ngày hội làm việc tốt? - Em nghĩ những món quà em dành tặng các bạn nhỏ ở vùng khó khăn có ý nghĩa như thế nào? - Nếu được gặp các bạn nhỏ ở vùng khó khăn em sẽ nói với bạn điều gì? - Cảm xúc của em về Ngày hội làm việc tốt? 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe để thực hiện. <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe để thực hiện. <ul style="list-style-type: none"> - HS lần lượt lên chia sẻ cảm xúc của mình. - HS trả lời về công việc đã làm. - HS trả lời - HS đưa ra các câu làm quen đồng viên các bạn nhỏ ở vùng khó khăn của mình. - HS chia sẻ cảm xúc.
--	---

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....

.....

Thủy Thanh, ngày 21 tháng 12 năm 2024

**TM. TỔ CHUYÊN MÔN
TỔ TRƯỞNG**


Huỳnh Thị Bích Mai

NGƯỜI BIÊN SOẠN KHBD


Nguyễn Thị Tín

